

Phụ lục I

(Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**TRUNG ƯƠNG ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2019

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 467/QĐ-HVTTNVN, ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam)

Tên chương trình: Tâm lý học

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Tâm lý học; Mã số: 7310401

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Tâm lý học có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và năng lực làm việc trong lĩnh vực Tâm lý học nói chung và tham vấn nói riêng. Người học có sự hiểu biết lý luận và thực tiễn về các vấn đề như kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; có khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học căn bản; nắm vững các kiến thức nền tảng của Tâm lý học và có trình độ chuyên sâu về lĩnh vực tham vấn tâm lý với thanh thiếu nhi... đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho đất nước nói chung và Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh nói riêng.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

Nắm vững được hệ thống kiến thức nền tảng về khoa học xã hội để hình thành phương pháp luận, tư duy khoa học xã hội và tư duy khoa học tâm lý.

Nắm vững được bản chất và các cơ chế, quá trình; các nguyên tắc cụ thể và các học thuyết tâm lý học nền tảng và tham vấn; những đặc điểm đặc trưng của loại hình tham vấn (cá nhân, gia đình, nhóm, học đường...) để từ đó có khả năng vận dụng lý luận vào thực hành tâm lý ứng dụng.

Nắm vững và có khả năng vận dụng những kiến thức nền tảng của tham vấn tâm lý như tham vấn tâm lý cho trẻ em và thanh thiếu niên trong gia đình, bệnh viện, trường học... Nắm vững được các lý thuyết của kỹ năng, các nội

dung về nguyên tắc đạo đức hành nghề Tâm lý học.

1.2.2. Về kỹ năng

Có kỹ năng nghiên cứu, phân tích và giải thích các hiện tượng Tâm lý học; Lựa chọn và áp dụng đúng các kỹ năng, liệu pháp tâm lý để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực Tâm lý học nói chung và giải quyết các vấn đề của thân chủ nói riêng.

Có kỹ năng tham mưu, đề xuất, tham gia và phản biện xã hội về các hiện tượng tâm lý người, tâm lý thanh thiếu nhi; giám sát việc ứng dụng các kiến thức tâm lý học vào trợ giúp con người nói chung và trợ giúp thanh thiếu nhi nói riêng.

Thực hành các kỹ năng đánh giá và can thiệp tâm lý như: Nhận diện và đánh giá mức độ trí tuệ, nhân cách, khí chất hoặc mức độ vấn đề của thân chủ; Đánh giá những tình huống liên quan đến đạo đức trong tham vấn; các kỹ năng tham vấn tâm lý.

Có các kỹ năng mềm như: Kỹ năng sử dụng tin và ngoại ngữ căn bản, truyền thông, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm...từ đó biết kết nối các cơ sở dịch vụ, các nguồn lực phục vụ cho việc chăm sóc sức khỏe tinh thần của thân chủ một cách toàn diện

1.2.3. Về thái độ

Hình thành phẩm chất, thái độ chung: Có ý thức trách nhiệm công dân, có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong phù hợp với chuẩn xã hội và pháp luật, tận tụy trong công việc.

Hình thành phẩm chất, thái độ chuyên nghiệp của nhà tâm lý: Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề tâm lý (giữ bí mật, vì lợi ích của thân chủ, trung thực, chân thành), có tinh thần trách nhiệm cao đối với nghề nghiệp; Có ý thức cập nhật các thông tin khoa học chuyên ngành.

Hình thành bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, có đạo đức nghề nghiệp trong sáng. Tích cực chủ động tham gia các hoạt động xã hội nói chung, của Đoàn thanh niên nói riêng, góp phần nâng cao chất lượng đời sống tâm lý cho con người nói chung, cho thanh thiếu nhi và cho nghề Tâm lý.

1.2.4. Về vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc tại các vị trí sau:

Trong các cơ sở đào tạo (làm giảng viên giảng dạy Tâm lý học tại các trường cao đẳng, đại học; cán bộ thực hành tư vấn, tham vấn tâm lý...).

Trong các cơ sở nghiên cứu (làm cán bộ nghiên cứu, cán bộ dự án phát triển cộng đồng tại các viện, các trung tâm nghiên cứu và ứng dụng Tâm lý học, các tổ chức phi Chính phủ trong và ngoài nước...).

Trong các công ty, trung tâm làm dịch vụ tư vấn tâm lý (làm tư vấn viên, cán bộ trị liệu...).

Trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh (nhân viên phòng nhân sự; phòng Marketing; thiết kế quảng cáo, nghiên cứu thị trường...).

Trong các bệnh viện (làm cán bộ trị liệu tâm lý cho trẻ em và người lớn).

Trong các tổ chức đoàn thể, chính quyền (cán bộ Đoàn, Đảng, cán bộ tuyên giáo...) ở các địa phương trong cả nước.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ, tin học

1.2.5.1. Trình độ ngoại ngữ

Người học khi tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 20/02/2014.

1.2.5.2. Trình độ Tin học

Người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức tin học văn phòng trình độ cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014.

2. Chuẩn đầu ra

2.3.1. Kiến thức chuyên môn:

Sau khi tốt nghiệp, người học làm chủ được kiến thức ngành Tâm lý học có thể đảm nhiệm công việc với vị trí việc làm là nhà nghiên cứu tâm lý con người, giảng dạy về Tâm lý học trong các trường cao đẳng, đại học, thực hành tâm lý học tại bệnh viện, trường học, doanh nghiệp ... Sinh viên hiểu kiến thức về khoa học xã hội, khoa học tâm lý (kiến thức về cơ sở sinh học tâm lý con người; bản chất, quy luật, các hiện tượng tâm lý cá nhân và xã hội; phương pháp nghiên cứu, đánh giá tâm lý; kiến thức về tâm lý học tham vấn). Giải thích, phân tích được biểu hiện, nguyên nhân của đặc điểm tâm lý con người nói chung, tâm lý lứa tuổi và đặc điểm tâm lý đối tượng cụ thể. Nắm vững về nguyên tắc đạo đức hành nghề Tâm lý học. Vận dụng kiến thức Tâm lý học trong thực hành tâm lý, tham vấn tâm lý cho trẻ em và thanh thiếu niên trong gia đình, nhà trường, cộng đồng.

2.3.2. Về kỹ năng:

Người học có kỹ năng vận dụng kiến thức Tâm lý học trong nghiên cứu, giảng dạy và thực hành Tâm lý học trong thực tiễn: Kỹ năng thiết kế và triển khai nghiên cứu; kỹ năng chẩn đoán, đánh giá tâm lý người; kỹ năng nhận dạng các vấn đề tâm lý; kỹ năng tham vấn tâm lý cá nhân, nhóm thanh thiếu nhi trong gia đình, trường học và cộng đồng.

Có các kỹ năng mềm như: Kỹ năng sử dụng tin và ngoại ngữ căn bản, truyền thông, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm...từ đó biết kết nối các cơ sở dịch vụ, các nguồn lực phục vụ cho việc chăm sóc sức khỏe tinh thần của thân chủ một cách toàn diện;

2.3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức,

kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng toàn khóa là **133 tín chỉ**, chưa tính học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.

4. Đối tượng tuyển sinh

- Những người đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;
- Tuyển sinh theo quy định tại *Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy* của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Theo phương án tuyển sinh của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp theo *Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ* (sửa đổi bổ sung theo thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012, hợp nhất theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014) của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Cách thức đánh giá

Thang điểm đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo *Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ* (sửa đổi bổ sung theo thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012, hợp nhất theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014) của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Nội dung chương trình

Khối lượng kiến thức tích lũy **133 tín chỉ** (không tính Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất).

Trong đó:

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 45 tín chỉ

- Các học phần bắt buộc: 39 tín chỉ
- Các học phần tự chọn: 6 tín chỉ
- Giáo dục thể chất: cấp chứng chỉ riêng
- Giáo dục quốc phòng: cấp chứng chỉ riêng

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 78 tín chỉ

- Các học phần bắt buộc: 61 tín chỉ
- Các học phần tự chọn: 17 tín chỉ

7.3. Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp hoặc môn học thay thế: 10 tín chỉ.

8. Chương trình đào tạo

8.1. Kiến thức giáo dục đại cương : 45 tín chỉ (chưa kể học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)			
8.1.1. Phần bắt buộc chung: 39 tín chỉ			
TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	TLML01	Triết học	3
2	TLML02	Kinh tế chính trị	2
3	TLML03	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	TLML04	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5	TLML05	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	
6	TLNC05	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
7	TLĐC06	Tâm lý học đại cương	3
8	TLGT03	Kỹ năng giao tiếp	2
9	TLXHH02	Xã hội học đại cương	2
10	TLCBDHD	Những vấn đề cơ bản về Đoàn, Hội, Đội	3
11	TLNVDHD	Nghiệp vụ công tác Đoàn, Hội, Đội	3
12	TLTH07	Tin học	3
13	TLTA08	Tiếng Anh 1	3
14	TLTA09	Tiếng Anh 2	3
15	TLTA10	Tiếng Anh 3	4
Học phần giáo dục thể chất (3 TC)			
Giáo dục Quốc phòng - An ninh (8 TC)			
8.1.2. Phần tự chọn: 6 tín chỉ (chọn 6/10 tín chỉ)			
16	TLQL01	Khoa học quản lý	2
17	TLDS01	Dân số và phát triển	2
18	TLĐĐH04	Đạo đức học	2
19	TLVH05	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2
20	TLLG06	Logic học đại cương	2
8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 78 tín chỉ			

8.2.1. Kiến thức cơ sở ngành và ngành: 53 tín chỉ (trong đó: 7 tín chỉ thuộc kiến thức cơ sở ngành bắt buộc; 37 tín chỉ thuộc kiến thức khối ngành bắt buộc và 9 tín chỉ thuộc kiến thức khối cơ sở ngành và ngành tự chọn)			
8.2.1.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc: 7 tín chỉ			
21	TLCSSL01	Sinh lý thần kinh (sinh lý thần kinh cấp cao + giải phẫu sinh lý hệ thần kinh)	4
22	TLCSL02	Lịch sử tâm lý học	3
8.2.1.2. Kiến thức khối ngành bắt buộc: 37 tín chỉ			
23	TLHPT01	Tâm lý học phát triển	2
24	TLHNC02	Tâm lý học nhân cách	2
25	TLHQL03	Tâm lý học quản lý	2
26	TLHXH04	Tâm lý học xã hội	2
27	TLTV01	Tham vấn tâm lý	2
28	TLHHV05	Hành vi con người và môi trường xã hội	3
29	TLHPP06	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu Tâm lý	2
30	TLHVH07	Tâm lý học văn hóa	2
31	TLCĐ01	Chẩn đoán tâm lý	3
32	TLHGD08	Tâm lý học gia đình	2
33	TLHTP09	Các trường phái trong tâm lý học	2
34	TLHTH11	Tâm lý học trường học	2
35	TLĐGTT01	Đánh giá trí tuệ và tham vấn học tập	3
36	TLĐGNC02	Đánh giá nhân cách và can thiệp	2
37	TLTH01	Thực hành 1	3
38	TLTH02	Thực hành 2	3
8.2.1.3. Kiến thức khối cơ sở ngành và ngành tự chọn: 9/10 tín chỉ			
39	TLHTB10	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	3
40	TLSK03	Sức khỏe tâm thần	3
41	TLVQT04	Vũ Quốc tế	2
42	TLPT05	Phát triển cộng đồng	3
8.2.2. Kiến thức chuyên ngành tâm lý học tham vấn: 25 tín chỉ (trong đó: 17 tín chỉ bắt buộc và 8 tín chỉ tự chọn)			
8.2.2.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc: 17 tín chỉ			

43	TLCĐ02	Chẩn đoán đánh giá và can thiệp cho thanh thiếu niên	2
44	TLTV05	Đạo đức nghề Tham vấn	2
45	TLTV03	Tham vấn và trị liệu nhóm	2
46	TLTV07	Tham vấn trẻ em	2
47	TLTV04	Tham vấn hướng nghiệp	2
48	TLTH02	Thực hành Tham vấn	2
49	TLKN04	Kỹ năng tổ chức các hoạt động cho thanh thiếu nhi	3
50	TLKNTN	Khởi nghiệp trong thanh niên	2
8.2.2.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn: 8/18 tín chỉ (cho cả 2 chuyên ngành)			
51	TLKN02	Giáo dục kỹ năng sống	2
52	TLKN03	Kỹ năng làm việc nhóm	2
53	TLKN05	Kỹ năng xây dựng kế hoạch	2
54	TLTV09	Tham vấn cho trẻ chậm phát triển và khuyết tật	2
55	TLTV10	Tham vấn giới tính, hôn nhân-gia đình	2
56	TLTV11	Tham vấn cho trẻ bị lạm dụng	2
57	TLTV12	Tham vấn cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2
58	TLTV13	Tham vấn cho trẻ em năng khiếu và phát triển sớm	2
59	TLTV14	Tham vấn cho trẻ em có hành vi lệch chuẩn và khó hoà nhập	2
8.2.3. Thực tập tốt nghiệp, Khóa luận tốt nghiệp hoặc môn học thay thế: 10 tín chỉ			
60	Thực tập tốt nghiệp	4	
61	Khóa luận tốt nghiệp	6	Đối với sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp
62	Môn học thay thế	6	Sinh viên chọn 06 tín chỉ trong các học phần khối cơ sở ngành, ngành và chuyên sâu ngành chưa chọn còn lại

9. Hướng dẫn thực hiện

Nhằm định hướng ứng dụng nghề nghiệp, khi xây dựng từng học phần chú trọng đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học của sinh viên.

9.1. Về việc xây dựng nội dung chi tiết học phần

Chương trình đã phân bổ cụ thể về thời lượng lý thuyết và thực hành/thảo luận cho các học phần theo đúng quy định.

Căn cứ vào thực tiễn đào tạo và nội dung chương trình mới, các bộ môn xây dựng nội dung chi tiết học phần cần chú ý đến những kiến thức phục vụ trực tiếp và thiết thực cho việc đào tạo. Các bộ môn chú ý tính kế thừa và thống nhất của các học phần trong và ngoài bộ môn.

9.2. Về phương pháp giảng dạy

Phương pháp đào tạo nói chung và phương pháp dạy học nói riêng sẽ hướng vào việc tổ chức cho sinh viên học tập với ý thức tự giác, chủ động, tích cực và sáng tạo, linh hoạt, rèn luyện tư duy pháp lý cho sinh viên, gắn liền với yêu cầu thực tiễn. Cụ thể:

- Sử dụng các hình thức thảo luận theo chủ đề, tình huống thực tế trong hoạt động nhóm trong học tập.

- Thông qua việc giảng dạy ở các học phần, chú ý đến việc rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kỹ năng tự học, kỹ năng giao tiếp và hợp tác, kỹ năng tư duy mang tính liên ngành...

- Các học phần chuyên ngành phải có sự lồng ghép ít nhất 01 buổi trao đổi kinh nghiệm thực tế của người làm thực hành tâm lý hoặc 01 buổi tham quan, tham dự hoạt động thực tiễn của người thực hành Tâm lý học.

9.3. Về đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/ 8/ 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012, hợp nhất theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014) của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quy chế đào tạo của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Chú trọng đánh giá phần kỹ năng ứng dụng, thực hành của sinh viên, có các hình thức đánh giá qua bài tập thực hành, qua trải nghiệm đối với nội dung và yêu cầu thích hợp; đối với các môn học chuyên ngành, giảm bớt cách đánh giá nặng nề về thi cử, giảm trọng số điểm thi học phần, tăng thời lượng các bài tập tự nghiên cứu./.

GIÁM ĐỐC

TS. Nguyễn Hải Đăng